

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS - ST

Ngày: 12 - 8 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG - TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng.
2. Ông Vũ Đức Khang.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST - TCDS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST - TCDS ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Đội xx, xã K, huyện T, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xóm x, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt bà H và bà Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và bà Đ không có quan hệ họ Hng với nhau nhưng đã quen biết nhau từ lâu. Ngày 20/10/2002 bà Đ là người trực tiếp đến hỏi vay tiền bà. Do tin tưởng nên bà đã cho bà Đ vay số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận về việc vay tiền và thoả

thuận miệng với nhau với lãi suất 1,3%/tháng và khi nào bà cần thì báo trước. Từ khi vay đến nay bà Đ mới thanh toán cho bà được 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền gốc, còn nợ 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*) và không thanh toán một khoản tiền lãi nào cho bà. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền nợ gốc nhưng bà Đ không thanh toán cho bà một khoản tiền nào. Trong quá trình giải quyết vụ án bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng buộc bà Đ phải thanh toán cho toàn bộ số tiền gốc đã vay là 27.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng nước là 37.600.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền gốc và lãi là 64.600.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa hôm nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Đ phải thanh toán cho toàn bộ số tiền gốc đã vay là 27.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Về hình thức thanh toán nợ: Bà yêu cầu bà Hoàng Thị Đ phải thanh toán toàn bộ ngay số tiền gốc cho bà.

Lời khai của chị Hoàng Thị Đ tại các buổi làm việc với tòa án cũng như tại phiên tòa thể hiện: Bà không có quan hệ họ hàng gì với bà H mà là quen biết nhau từ lâu. Trước đây bà H thấy bà làm ăn được nên ngày 20/10/2002 bà H đã mang tiền đến cho bà vay số tiền là 30.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền với nhau và thỏa thuận lãi suất miệng với nhau là 2%/tháng và bà đã trả lãi suất hàng tháng là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*). Đến năm 2008 do làm ăn thua lỗ nên bà không có tiền thanh toán tiền lãi cho bà H, nên bà H có xuống đòi số tiền gốc bà đã vay, sau đó bà đã trả cho bà H bốn lần tổng là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) và bà chỉ còn nợ lại bà H 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*). Nay bà H yêu cầu bà phải thanh toán cho toàn bộ số tiền gốc cho bà là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất bà xác định chỉ còn nợ của bà H 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*) tiền gốc, về việc bà H không yêu cầu tính lãi thì bà nhất trí.

Về hình thức thanh toán nợ: Bà Hoàng Thị Đ xác định do làm ăn khó khăn chưa có để thanh toán ngay toàn bộ số tiền gốc, nên bà xin trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các điều 463; 466; 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Hoàng Thị Đ phải thanh

toán số tiền gốc đã vay cho bà H là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*). Về án dân sự sơ thẩm đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Trên cơ sở mỗi quen biết tin tưởng nhau bà Nguyễn Thị H đã cho bà Hoàng Thị Đ vay số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của các bên đương sự có đủ cơ sở khẳng định việc bà H có hợp đồng vay tiền với bà Đ là sự việc có thật, bà Đ cư trú tại xã Nghĩa trung huyện Nghĩa Hưng. Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện Nghĩa Hưng. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét hợp đồng vay tài sản, số tiền vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) giữa bà H và bà Đ là hợp đồng có thật và phù hợp pháp luật và là hợp đồng vay không có thời hạn, có lãi, vì hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, có thỏa thuận lãi.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án thì thấy: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Hoàng Thị Đ trả số tiền nợ gốc là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ có bản tự khai công nhận có vay tiền của bà H số tiền là 30.00.000 đồng và đã trả được 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*), còn nợ là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*). Như vậy giữa lời khai của bà H và bà Đ có sự khác nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ không cung cấp, chứng cứ chứng minh đã trả 9.000.000 đồng. Tại “Giấy biên nhận nợ” ngày 20-10-2002 do bà H và bà Đ thể hiện: Bà Đ có vay của bà H số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), bà H xác định từ khi vay đến nay bà Đ đã thanh toán cho bà được 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền gốc và còn nợ 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Do đó yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất: Tại phiên toà bà Nguyễn Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi suất. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H. Bà Hoàng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Hoàng Thị Đ, cụ thể: Buộc bà Hoàng Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị H số nợ gốc đã vay là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi Hành án mà bà Đ chưa thi Hành thì phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi Hành.

2. Về án phí:

Buộc bà Hoàng Thị Đ phải nộp 1.350.000 đồng án (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: Trả bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.700.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0000793 ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng

Án xử công khai, có mặt bà H, bà Đ. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án và được thi Hành án có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, quyền tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Văn Chung

